

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức

phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Chính phủ.

2. Chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố *(không bao gồm các chức danh khác ở cơ sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan)*, gồm: Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố, Phó Bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện.

Điều 3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố *(bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội)*, như sau:

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, thôn đặc biệt khó khăn

a) Bí thư Chi bộ được hưởng mức phụ cấp là 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp là 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp là 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại:

a) Bí thư Chi bộ được hưởng mức phụ cấp là 2,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp là 2,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố được hưởng mức phụ cấp là 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 4. Số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham

gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Về số lượng, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí tối đa không quá 6 chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố như sau:

a) Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, thôn đặc biệt khó khăn:

- Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 1,2 lần mức lương cơ sở/tháng.

- Phó Bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được hưởng mức hỗ trợ là 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại:

- Phó trưởng thôn, Phó tổ trưởng tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

- Phó Bí thư Chi bộ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được hưởng mức hỗ trợ là 0,3 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 5. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm, mức hỗ trợ kiêm nhiệm chức danh

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có thể kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố, nhưng kiêm nhiệm không quá 01 chức danh; Mức phụ cấp kiêm nhiệm được hưởng bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Mức phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có thể kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, nhưng kiêm nhiệm không quá 01 chức danh; Mức hỗ trợ kiêm nhiệm được hưởng bằng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có thể kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố, nhưng kiêm nhiệm không quá

01 chức danh. Mức hỗ trợ kiêm nhiệm được hưởng bằng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện theo Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chức danh, mức phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

c) Nghị quyết số 140/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động hằng năm của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 8;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *CS*

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính